KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	
					TS	LT	TH				
1	1	CON25048	Tổ chức thi công	3	45	45		D17X1DN	15	404	Phạm Đăng Khoa
2	1	CON25016	ĐA. Tổ chức thi công	1	30		30	D17X1DN	15	404	Phạm Đăng Khoa
3	1	ECO25001	Kinh tế xây dựng 1	2	30	30		D17X1DN	15	666	GV mời MUCE
4	1	ECO25010	Pháp luật xây dựng	1	15	15		D17X1DN	15	666	GV mời MUCE
5	1	CON25044	Thực tập cuối khóa (XD)	2	8 tuần		320*	D17X1DN	15		Nhóm GV khoa KTCT
			HPTC (chọn 2/5 HP)								
	1	CON24022	Kết cấu BTCT ứng suất trước	2*	30*	30*		D17X1DN	15		
	1	CON24028	Kết cấu tháp trụ	2*	30*	30*		D17X1DN	15		
6	1	CON25042	Thi công nhà cao tầng	2	30	30		D17X1DN	15	532	GV mời ngoài PH
7	1	CON25045	Tin học trong QLXD	2	45	15	30	D17X1DN	15	532	GV mời ngoài PH
	1	ECO26001	QL DA đầu tư xây dựng	2*	30*	30*		D17X1DN	15		
8	2	CON25017	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10	15T		600*	D17X1DN	15		Khoa KTCT
9	2	FLI25222	Chuẩn đầu ra NN (AV3/6)					D17X1DN	15		Khoa KHCB
1			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**23**	**195**	**135**	**60**	**D17X1DN**	**15**	**SV**	

HỌC KỲ I

TT	7	8				9				10				11				12			
	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1								9	9	9	6	6	6									
2													6	4	4	4	4	4	4			
3								3	3	3	3	3	3	3	3	3	3					
4								3	3	3	3	3										
5																						
6												3	3	3	3	3	6	3	6			
7												3	3	3	3	6	3	6	3			
8																						
9																						
1							**K**	**15**	**15**	**15**	**12**	**18**	**21**	**13**	**13**	**16**	**16**	**13**	**13**	**T**	**T**	**T**

HỌC KỲ II

TT	1				2			3				4				5				6				7				
	01	08	15	22	29	05	12	19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18
	23	24	25	26	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1																														
2																														
3																														
4																														
5		TT	TT	TT				TT	TT	TT	TT	TT																		
6																														
7																														
8														DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA		
9																														
1	**D**	**TT**	**TT**	**TT**				**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**D**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**		

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

THÔNG TIN LỚP HỌC

D17X1DN Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 29/08/2017; Ngày TN(dk): 29/08/2022; Năm thứ: 5; Số SVNH: 18; Số SVHT: 15; GVCV: CN. Lê Thị Thanh Nhung;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV		HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II																								HỌC KỲ HÈ				
					TS	LT	TH					7	8				9					10				11				12				1					2				3					4				5				6				7			
												31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
												-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
												26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18
												1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1	1	POL22001	Đường lối CM của ĐCSVN	3	45	45		D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH								6	6	6	6	6	6	6	3																																					
2	1	FLI22004	Anh văn CN (KTH)	2	30	30		D18X1DN	23	460	Lê Thị Thanh Nhung								3	3	3	3	3	3	3	3	3	3																																			
3	1	CON21911	Kỹ thuật thi công 2	3	45	45		D18X1DN	23	404	Phạm Đăng Khoa								4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5																																		
4	1	CON24014	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1	30		30	D18X1DN	23	404	Phạm Đăng Khoa													5	5	5	5	5	5																																		
5	1	CON23039	Tham quan công trình (XD)	1	40		40	D18X1DN	23		Khoa KTCT																			40																																	
	1		***HP tự chọn (chọn 4/8 HP)***						23																																																						
6	1	CON21912	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2	30	30		D18X1DN	23	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh								6	6	6	6	6																																								
	1	BRC21902	Nền móng trong điều kiện đặc biệt	2*	30*	30*		D18X1DN	23																																																							
	1	CON21913	Kết cấu BTCT ứng lực trước	2*	30*	30*		D18X1DN	23																																																							
	1	CON24021	Kết cấu BTCT đặc biệt	2*	30*	30*		D18X1DN	23																																																								
7	1	CON21916	Thi công nhà nhiều tầng	2	30	30		D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH													6	6	6	6	6																																			
8	1	CON21917	Thi công công trình ngầm	2	30	30		D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH													6	6	6	6	6																																			
	1	CON21918	TK biện pháp thi công hố móng sâu	2*	30*	30*		D18X1DN	23																																																								
9	2	CON25045	Tin học trong QLXD	2	45	15	30	D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH																														5	8	8	8	8	8																	
10	2	CON25048	Tổ chức thi công	3	45	45		D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH																								9	9	9				6	6	6																				
11	2	CON25016	ĐA. Tổ chức thi công	1	30		30	D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH																																6	8	8	8																	
12	2	ECO21902	Đấu thầu và thanh quyết toán CTR	2	45	15	30	D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH																								6	6	6				6	6	6	6	3																		
13	2	CON25044	Thực tập cuối khóa (XD)	2	8T		320*	D18X1DN	23		Nhóm GV khoa KTCT																																								TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT					
			HP tự chọn (chọn 3/6 HP)						23																																																							
14	2	CON21914	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT	2	30	30		D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH																								6	6	6				3	3	3	3																			
		CON21915	Kết cấu nhà thép nhiều tầng	2*	30*	30*		D18X1DN	23																																																								
15	1	CON24047	TT CTR chịu T.trọng Đ.đất	2	30	30		D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH								6	6	6	6	6																																								
	2	CON21919	Quản lý chất lượng công trình	2*	30*	30*		D18X1DN	23																																																								
16	2	CON22201	Quản lý dự án XD	2	30	30		D18X1DN	23	532	GV mời ngoài PH																								6	6	6				6	6																					
	2	CON21920	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	2*	30*	30*		D18X1DN	23																																																								
2			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**22**	**535**	**375**	**160**	**D18X1DN**	**23**	**SV**								**K**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**30**	**30**	**27**	**24**	**24**	**10**	**40**	**T**	**T**	**T**	**D**	**27**	**27**	**27**				**26**	**29**	**29**	**25**	**19**	**T**	**T**	**T**	**K**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

1	CON21915	Kết cấu nhà thép nhiều tầng

THÔNG TIN LỚP HỌC

D18X1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 10/10/2018; Ngày TN(dk): 10/03/2023; Năm thứ: 4; Số SVNH: 23; Số SVHT: 23; GVCV: TS. Lê Công Duy;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	
1	1	FLI26002	Anh văn 1	3	45*	45*		D19X1DN	22	460	Lê Thị Thanh Nhung
2	1	ARC24054	Dự Toán	3	60	30	30	D19X1DN	22	532	GV mời ngoài PH
3	1	CON21903	Kết cấu nhà bêtông cốt thép	3	45	45		D19X1DN	22	362	Nguyễn Quang Hòa
4	1	CON21904	ĐA. Kết cấu nhà BTCT	2	60		60	D19X1DN	22	362	Nguyễn Quang Hòa
5	1	CON21905	Kết cấu thép	3	60	30	30	D19X1DN	22	525	Lê Công Duy
6	1	CON24034	Nền và móng	3	45	45		D19X1DN	22	532	Trịnh Văn Thao
7	1	CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30		30	D19X1DN	22	532	Trịnh Văn Thao
8	1	CON27003	Thực tập công nhân (XD)	2	80		80	D19X1DN	22	434	Nguyễn Thành Trung
9	1	CON27003	Thực tập công nhân (XD)	2	80		80	D19X1DN	22	429	Trần Văn Chư
10	2	FLI26003	Anh văn 2	3	45	45		D19X1DN	22	460	Lê Thị Thanh Nhung
11	2	POL22004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		D19X1DN	22	532	GV mời ngoài PH
12	2	ECO21901	Pháp luật và kinh tế xây dựng	3	45	45		D19X1DN	22	532	GV mời ngoài PH
13	2	CON21906	Kết cấu nhà thép	2	30	30		D19X1DN	22	525	Lê Công Duy
14	2	CON21907	ĐA. Kết cấu nhà thép	1	30		30	D19X1DN	22	525	Lê Công Duy
15	2	CON21908	An toàn và môi trường lao động	2	30	30		D19X1DN	22	404	Phạm Đăng Khoa
16	2	CON23033	Máy xây dựng	2	30	30		D19X1DN	22	532	GV mời ngoài PH
17	2	CON21909	Kỹ thuật thi công 1	3	45	45		D19X1DN	22	404	Phạm Đăng Khoa
18	2	CON21910	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2	60		60	D19X1DN	22	404	Phạm Đăng Khoa
3			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**42**	**805**	**405**	**400**	**D19X1DN**	**22**	**SV**	

HỌC KỲ I

TT	7	8				9				10				11				12			
	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	(chuyển AVCĐR_P1)																					
2								6	6	6	6	6	6	6	6	6	6					
3								6	6	6	6	6	6	6	3							
4																8	8	8	8	8	8	6
5								6	6	6	6	6	6	6	6	6	6					
6								4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5				
7															4	4	4	4	4	4	4	2
8																			16	16	16	16
9																						
10	ghép D19X1DN_D20CD1DN																					
11	ghép D19X1DN_D20CD1DN																					
12																						
13																						
14																						
15																						
16																						
17																						
18																						
3							**K**	**22**	**22**	**22**	**22**	**22**	**22**	**22**	**23**	**28**	**28**	**17**	**28**	**28**	**28**	**24**

HỌC KỲ II

TT	1				2			3						4				5				6			
	01	08	15	22	29	05	12	19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13
	23	24	25	26	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47
1																									
2																									
3																									
4																									
5																									
6																									
7																									
8																									
9		40	40																						
10										5	5	5	4	4	4	4	4	5	5						
11										3	3	3	3	3	3	3	3	3	3						
12										4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5					
13										6	6	6	6	6											
14																		4	4	4	4	8	6		
15																			6	6	6	6	6		
16										6	6	6	6	6											
17										3	3	3	3	3	9	9	9	3							
18															4	4	4	4	4	8	8	8	8	8	
3	**40**	**40**	**T**					**T**	**T**	**27**	**27**	**27**	**26**	**26**	**24**	**24**	**24**	**23**	**26**	**23**	**18**	**22**	**20**	**8**	**T**

HỌC KỲ HÈ

TT	7				
	25	02	09	16	23
	-	-	-	-	-
	20	27	04	11	18
	48	49	50	51	52
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
3	**T**	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

Dự kiến học GDQP trong học kỳ hè 2021-2022

THÔNG TIN LỚP HỌC

D19X1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 09/08/2019; Ngày TN(dk): 09/02/2024; Năm thứ: 3; Số SVNH: 27; Số SVHT: 22; GVCV: TS. Phạm Đăng Khoa;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	
					TS	LT	TH				
1	1	BAS22011	Xác suất thống kê	2	30	30		D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
2	1	CON23038	Sức bền vật liệu 2	2	30	30		D20X1DN	46	359	Phan Công Bàn
3	1	CON23006	Cơ học kết cấu 1	3	60	30	30	D20X1DN	46	359	Phan Công Bàn
4	1	CON22050	Vật liệu xây dựng	2	30	30		D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
5	1	CON23052	TN Vật liệu xây dựng	1	30		30	D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
6	1	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
7	1	CON22054	Tin học ứng dụng 1 (Autocad)	2	45	15	30	D20X1DN	46	392	Huỳnh Ngọc Hào
8	1	FLI26003	Anh văn 2	3	45	45		D20X1DN	46	460	Lê Thị Thanh Nhung
9	1	BAS32001	Giáo dục thể chất 3	1	30		30	D20X1DN	46	458	Diệp Minh Đông
10	2	CON22051	Cơ học kết cấu 2	2	30	30		D20X1DN	46	359	Phan Công Bàn
11	2	CON22055	Tin học ứng dụng 2 (Sap và Etab)	2	60		60	D20X1DN	46	525	Lê Công Duy
12	2	ARC21901	Kiến trúc công trình	2	30	30		D20X1DN	46	397	Tạ Kim Sơn
13	2	ARC21902	ĐA. Kiến trúc công trình	1	30		30	D20X1DN	46	397	Tạ Kim Sơn
14	2	CON22056	Kết cấu BTCT	4	75	45	30	D20X1DN	46	362	Nguyễn Quang Hòa
15	2	CON21922	ĐA. Kết cấu BTCT	1	30		30	D20X1DN	46	362	Nguyễn Quang Hòa
16	2	UIT24008	Trắc địa	2	30	30		D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
17	2	UIT22008	Thực tập trắc địa 1	1	30		30	D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
18	2	UIT23001	Cấp thoát nước	2	30	30		D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
19	2	POL22004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30		D20X1DN	46	532	GV mời ngoài PH
20	2	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2	60		60	D20X1DN	46	458	Diệp Minh Đông
4			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**37**	**735**	**375**	**360**	**D20X1DN**	**46**	**SV**	

HỌC KỲ I

TT	7	8				9					10					11					12				
	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30		06	13	20	27		04	11	18	25	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-	-	
	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25		01	08	15	22		29	06	13	20	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		15	16	17	18		19	20	21	22	
1								3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
2	ghép D20X1DN_D20CD1DN							3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
3	ghép D20X1DN_D20CD1DN							6	6	6	6	6	6	6		6	6	6							
4								3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
5																			12		12	6			
6	ghép D20X1DN_D20CD1DN							3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
7								4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	5						
8	ghép D20X1DN_D20K1DN							4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	5						
9								3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
10	ghép D20X1DN_D20CD1DN																								
11																									
12																									
13																									
14																									
15																									
16																									
17																									
18																									
19																									
20																									
4							**K**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**	**29**		**29**	**29**	**29**	**22**		**12**	**T**	**T**	**T**	**K**

HỌC KỲ II

TT	1				2			3					4				5				6				
	08	15	22	29	05	12		19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18
	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	03	10	17	24	31	07		14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13
	24	25	26	TẾT				30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47
1																									
2																									
3																									
4																									
5																									
6																									
7																									
8																									
9																									
10	3	3	3					3	3	3	3	3	3	3											
11	4	4	4					4	4	4	4	4	4	4	6	6	4	4							
12	4	4	4					4	4	4	4	2													
13												4	4	4	4	4	4	4	2						
14	6	6	6					6	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3				
15															4	4	4	4	4	4	6				
16	3	3	3					3	3	3	3	3	3	3											
17																	4	4	8	8	6				
18									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3							
19	3	3	3					3	3	3	3	3	3	3											
20	6	6	6					3	3	3	3	3	3	3	6	6	3	3	3						
4	**29**	**29**	**29**					**26**	**27**	**27**	**27**	**29**	**27**	**27**	**27**	**27**	**26**	**26**	**21**	**16**	**15**	**T**	**T**	**T**	**T**

HỌC KỲ HÈ

TT	7				
	25	02	09	16	23
	-	-	-	-	-
	20	27	04	11	18
	48	49	50	51	52
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
4	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

Dự kiến học GDQP trong học kỳ hè 2021-2022

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20X1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 14/09/2020; Ngày TN(dk): 03/2025; Năm thứ: 2; Số SVNH: 52; Số SVHT: 46; GVCV: Ths. Phan Công Bàn;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	
					TS	LT	TH				
1	1	POL21902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
2	1	BRC28001	Địa kỹ thuật	3	60	30	30	D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
3	1	BRC21901	TN Địa kỹ thuật	1	30		30	D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
4	1	CON23006	Cơ học kết cấu 1	3	60*	30	30	D20CD1DN	8	359	Phan Công Bàn
5	1	CON23038	Sức bền vật liệu 2	2	30*	30		D20CD1DN	8	359	Phan Công Bàn
6	1	CON22050	Vật liệu xây dựng	2	30	30		D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
7	1	CON23052	TN Vật liệu xây dựng	1	30		30	D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
8	1	FLI26002	Anh văn 1	3	45	45		D20CD1DN	8	460	Lê Thị Thanh Nhung
9	1	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30*	30		D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
10	1	BAS32001	Giáo dục thể chất 3	1	30*		30	D20CD1DN	8	458	Diệp Minh Đông
11	2	POL22004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30*	30		D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
12	2	CON24034	Nền và móng	3	45	45		D20CD1DN	8	392	Huỳnh Ngọc Hào
13	2	CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30		30	D20CD1DN	8	392	Huỳnh Ngọc Hào
14	2	CON22051	Cơ học kết cấu 2	2	30*	30		D20CD1DN	8	359	Phan Công Bàn
15	2	BRC23004	Kết cấu bê tông cốt thép	3	45	45		D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
16	2	BRC23005	ĐA. kết cấu BTCT	1	30		30	D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
17	2	BRC27014	Kết cấu thép	2	30	30		D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
18	2	FLI26003	Anh văn 2	3	45*	45		D20CD1DN	8	460	Lê Thị Thanh Nhung
19	2	UIT21925	Thủy lực - Thủy văn	2	30	30		D20CD1DN	8	532	GV mời ngoài PH
20	2	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2	60*		60	D20CD1DN	8	458	Diệp Minh Đông
5			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**36**	**480**	**420**	**240**	**D20CD1DN**	**8**	**SV**	

HỌC KỲ I

TT	7	8					9					10					11					12				
	31	07	14	21	28		04	11	18	25	02	09	16	23	30		06	13	20	27		04	11	18	25	
	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-	-	
	26	02	09	16	23		30	06	13	20	27	04	11	18	25		01	08	15	22		29	06	13	20	
	1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12	13	14		15	16	17	18		19	20	21	22	
1	ghép D20CD1DN_D20K1DN								3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
2									3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	6		6	6	6	6	
3																								15	15	
4	ghép D20X1DN_D20CD1DN								4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4	
5	ghép D20X1DN_D20CD1DN								3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
6									3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
7																				8		12	10			
8									4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	5						
9	ghép D20X1DN_D20CD1DN								3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
10									3	3	3	3	3	3	3		3	3	3							
11	ghép D19X1DN_D20CD1DN																									
12																										
13																										
14	ghép D20X1DN_D20CD1DN																									
15																										
16																										
17																										
18	ghép D19X1DN_D20CD1DN																									
19	ghép D21CD2DN_D20CD1DN																									
20																										
5							**K**		**26**	**26**	**26**	**26**	**26**	**26**	**26**		**26**	**26**	**26**	**23**		**22**	**20**	**25**	**25**	**T**

HỌC KỲ II

TT	1					2				3							4					5					6					7				
	08	15	22	29		05	12		19	26	05	12	19	26	02		09	16	23	30		07	14	21	28		04	11	18		25	02	09	16	23	
	-	-	-	-		-	-		-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-		-	-	-	-	-	
	03	10	17	24		31	07		14	21	28	07	14	21	28		04	11	18	25		02	09	16	23		30	06	13		20	27	04	11	18	
	24	25	26			TẾT			30	31	32	33	34	35	36		37	38	39	40		41	42	43	44		45	46	47		48	49	50	51	52	
1																																				
2																																				
3																																				
4																																				
5																																				
6																																				
7																																				
8																																				
9																																				
10																																				
11									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3																		
12									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6													
13														4	4	4	4	4	4	4	2															
14									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3																		
15									6	6	6	6	3	3	3	3	3	3	3																	
16													4	4	4	4	4	4	4	2																
17									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3																		
18											5	5	5	4	4	4	4	4	5	5																
19																					4	8	8	4	4	2										
20									6	6	6	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	6	6													
5	**T**	**T**	**K**						**24**	**24**	**29**	**26**	**27**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**22**	**24**	**19**	**20**	**T**	**T**	**T**	**T**				**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

Dự kiến học GDQP trong học kỳ hè 2021-2022

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20CD1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 14/09/2020; Ngày TN(dk): 03/2025; Năm thứ: 2; Số SVNH: 9; Số SVHT: 8; GVCV: TS. Lê Công Duy;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV		HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II																									HỌC KỲ HÈ			
					TS	LT	TH					7	8				9					10				11				12				1					2				3					4				5				6				7			
												31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
												-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
												26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18
												1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1	1	POL21902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30*	30		D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH	ghép D20CD1DN_D20K1DN							4	4	4	4	4	4	4	2																																							
2	1	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30		D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																4	4	4	4	4	4	4	2																													
3	1	ARC21903	Nguyên lý kiến trúc CC và CN	3	45	45		D20K1DN	8	397	Tạ Kim Sơn								4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5																																		
4	1	ARC25072	Cấu tạo kiến trúc 1	4	75	45	30	D20K1DN	8	397	Tạ Kim Sơn								3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	9	9	9	9																														
5	1	ARC27003	Tin học ứng dụng 1(KTR)	2	45	15	30	D20K1DN	8	392	Huỳnh Ngọc Hào								4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5																																		
6	1	ARC22035	Mỹ thuật P3	2	60		60	D20K1DN	8	357	Phan Hữu Sang								10	10	10	10	10	10																																											
7	1	ARC21943	ĐA. Kiến trúc 1	2	60		60	D20K1DN	8	397	Tạ Kim Sơn														10	10	10	10	10	10																																					
8	1	ARC21944	ĐA. Kiến trúc 2	2	60		60	D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																				15	15	15	15																																	
9	1	FLI26003	Anh văn 2	3	45*	45		D20K1DN	8	460	Lê Thị Thanh Nhung	ghép D20X1DN_D20K1DN							3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3																																	
	1		***Tự chọn 2 (chọn 1/2 học phần)***						8																																																								
10	1	ARC21909	**Vẽ ký họa phong cảnh**	1	30		30	D20K1DN	8	357	Phan Hữu Sang														3	3	3	3	3	3	3	3	3	3																														
	1	ARC21910	Nhiếp ảnh kiến trúc	1*	30*		30*	D20K1DN	8																																																								
11	2	ECO21005	Pháp luật đại cương	2	30*	30		D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH	ghép D20K1DN_D21X1DN																													3	3	3	3	3	3	3	3	3	3													
12	2	CON28001	Cơ học công trình	3	45*	45		D20K1DN	8	359	Phan Công Bàn	ghép D20K1DN_D21QX1DN																													4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5												
13	2	ARC21949	L.sử kiến trúc phương Tây	2	45	15	30	D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																														4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5												
14	2	ARC27004	Tin học ứng dụng 2(KTR)	2	45	15	30	D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																														4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5												
15	2	ARC21904	Điêu khắc	2	60		60	D20K1DN	8	357	Phan Hữu Sang																														5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5											
16	2	ARC21905	ĐA. Cấu tạo kiến trúc	2	60		60	D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																														5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5											
17	2	ARC21945	ĐA. Kiến trúc 3	2	60		60	D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																														5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5											
18	2	ARC21946	ĐA. Kiến trúc 4	2	60		60	D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																																									15	15	15	15								
19	2	ARC25074	Thiết kế nhanh (1)	0.5	15		15	D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																																													15							
	2		***Tự chọn 3 (chọn 1/3 học phần)***					D20K1DN	8																																																							
	2	ARC23041	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2*	30*	30*		D20K1DN	8																																																							
	2	ARC24048	Thiết kế đô thị	2*	30*	30*		D20K1DN	8																																																							
20	2	ARC21911	Thiết kế cảnh quan	2	30	30		D20K1DN	8	532	GV mời ngoài PH																																										6	6	6	6	6						
6			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**42.5**	**780**	**345**	**585**	**D20K1DN**	**8**	**SV**								**K**	**28**	**28**	**28**	**28**	**28**	**28**	**31**	**29**	**31**	**31**	**33**	**26**	**34**	**34**	**34**	**29**	**T**	**T**	**T**				**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**30**	**21**	**21**	**21**	**21**	**T**	**T**	**T**	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

Dự kiến học GDQP trong học kỳ hè 2021-2022

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20K1DN Ngành: Kiến trúc; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 14/09/2020; Ngày TN(dk): 07/2025; Năm thứ: 2; Số SVNH: 15; Số SVHT: 8; GVCV: Ths. Phan Hữu Sang;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV		HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II																								HỌC KỲ HÈ				
												7	8				9					10				11				12				1					2				3					4				5				6				7			
												31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
												-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
												26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18
					TS	LT	TH					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1		CON21922	ĐA. Kết cấu BTCT	1	30		30	D20X2DN	34	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh	5	10	10	5																										(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
2		CON21903	Kết cấu nhà bêtông cốt thép	3	45	45		D20X2DN	34	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh		10	5	5	5	10	10																							(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
3		CON21904	ĐA. Kết cấu nhà BTCT	2	60		60	D20X2DN	34	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh								10	10	5	5	5	5	5	5	5	5													(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
4		CON22113	Kết cấu nhà thép	3	45	45		D20X2DN	34	525	Lê Công Duy			5	5	10	5	5																							(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
5		CON21907	ĐA. Kết cấu nhà thép	1	30		30	D20X2DN	34	525	Lê Công Duy								5	5	5	5	5	5																	(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
6		CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30		30	D20X2DN	34	392	Huỳnh Ngọc Hào	ghép D20X2			4	4	4	4	4	4	4	2																			(năm học 2020-2021 chuyển sang, tính giờ năm học 2020-2021)																						
7		CON27002	TN và kiểm định công trình	2	60		60	D20X2DN	34	158	Nguyễn Minh Tuấn Anh												5	5	5	5	10	15	5	5	5										(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
8		CON21911	Kỹ thuật thi công 2	3	45	45		D20X2DN	34	404	Phạm Đăng Khoa														5	5	5	5	5	5	10	5									(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
9		CON24014	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1	30		30	D20X2DN	34	404	Phạm Đăng Khoa																							5	10	10	5				(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
10	1	ECO21901	Pháp luật và kinh tế xây dựng	3	45	45		D20X2DN	34	611	Trương Thị Thu Hà	ghép D20X2DN_D20CD2DN								5	5	10	5	5	5	5	5																																						
11	1	CON22061	ĐA. Tổ chức thi công	2	60		60	D20X2DN	34	532	GV mời ngoài PH																							10	10	10	10				10	10																					
	1		*Học phần tự chọn (chọn 8 TC)*																																																												
12	1	CON21912	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2	30	30		D20X2DN	34	532	GV mời ngoài PH																															10	10	10																			
13	1	CON21916	Thi công nhà nhiều tầng	2	30	30		D20X2DN	34	532	GV mời ngoài PH																																10	10	10																		
14	1	CON22059	Tin học ứng dụng 3 (Ms Project)	2	45	15	30	D20X2DN	34	532	GV mời ngoài PH																																		10	10	10	10	5														
15	1	CON21919	Quản lý chất lượng công trình	2	30	30		D20X2DN	34	532	GV mời ngoài PH																																			10	10	10															
16	1	CON22063	Thực tập tốt nghiệp	2	8T		320*	D20X2DN	34		Khoa KTCT																																											TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT				
17	1	CON22062	Chuyên đề tốt nghiệp (KS_XDDD&CN)	2	45	15	30	D20X2DN	34		Khoa KTCT																																																			CD			
18	2	CON25017	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10	15T		600*	D20X2DN	34		Khoa KTCT																																																				DA	DA	DA
19	2	FLI25222	Chuẩn đầu ra NN (AV3/6)					D20X2DN	34		Khoa KHCB																																																						
20	2	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D20X2DN	34		Khoa KHCB																																																						
7			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**44**	**660**	**300**	**360**	**D20X2DN**	**34**	**SV**		**5**	**20**	**20**	**19**	**19**	**19**	**19**	**19**	**24**	**19**	**22**	**20**	**20**	**20**	**20**	**25**	**25**	**10**	**10**	**15**	**T**	**T**	**15**	**20**	**20**	**15**				**10**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**5**	**T**	**T**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**TT**	**CD**	**DA**	**DA**	**DA**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20X2DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Ngày NH: 17/11/2020; Ngày TN(dk): 11/2022; Năm thứ: 2; Số SVNH: 34; Số SVHT: 30; GVCV: TS. Phạm Đăng Khoa;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết: TS	LT	TH	Lớp	Số SV	Mã GV	
1		BAS21035	Vật lý đại cương	3	45	45		D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
2		UIT21925	Thủy lực - Thủy văn	2	30	30		D20CD2DN	9		Nguyễn Tấn Khoa
3		BRC22057	Tin học ứng dụng 1	2	45	15	30	D20CD2DN	9	615	Hồ Văn Quân
4		CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30*		30	D20CD2DN	9	392	Huỳnh Ngọc Hào
5		BRC27015	Mố trụ cầu	2	30	30		D20CD2DN	9	381	Cao Thanh Chương
6		BRC27001	ĐA. Thiết kế cầu BTCT	1	30		30	D20CD2DN	9	381	Cao Thanh Chương
7		BRC24009	Thi công cầu 1	2	30	30		D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
8		BRC24014	ĐA.Thiết kế cầu thép	1	30		30	D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
9		BRC25001	ĐA. Thiết kế đường	1	30		30	D20CD2DN	9	615	Hồ Văn Quân
10		ECO21901	Pháp luật và kinh tế xây dựng	3	45*	45		D20CD2DN	9	611	Trương Thị Thu Hà
11	1	BRC27002	Hầm giao thông	3	60	30	30	D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
12	1	BRC26002	Thi công đường 2	2	30	30		D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
13	1	ECO21902	Đấu thầu và thanh quyết toán CTR	2	45	15	30	D20CD2DN	9	137	Ngô Đình Châu
14	1	BRC25006	Tham quan công trình (CD)	1	40		40	D20CD2DN	9		Khoa KTCT
15	1	BRC22055	Chuyên đề tốt nghiệp (XDCĐ)	2	45	15	30	D20CD2DN	9		Khoa KTCT
	1		***HPTC (chọn 8/16 TC)***					D20CD2DN	9		
16	1	BRC27007	Đường sân bay	2*	30	30		D20CD2DN	9		
17	1	BRC25013	Ổ.định mái dốc &tường chắn	2	30	30		D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
18	1	BRC22056	Học máy (Machine learning)	2*	45	15	30	D20CD2DN	9		
19	1	BRC27011	Sửa chữa & Tăng cường Cầu	2	30	30		D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
20	2	BRC22073	Hệ thống giao thông thông minh	2*	30	30		D20CD2DN	9		
21	2	BRC27003	Đường sắt	2*	30	30		D20CD2DN	9		
22	2	BRC27009	Công trình trên nền đất yếu	2	30	30		D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
23	2	BRC27010	Bảo dưỡng sửa chữa đường	2	30		30	D20CD2DN	9	532	GV mời ngoài PH
24	2	BRC25012	Đồ án tốt nghiệp (CĐ)	10	15T		600*	D20CD2DN	9		Khoa KTCT
25	2	FLI25222	Chuẩn đầu ra NN (AV3/6)					D20CD2DN	9		Khoa KHCB
26	2	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D20CD2DN	9		Khoa KHCB
8			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**31**	**475**	**330**	**190**	**D20CD2DN**	**9**	**SV**	

TT	HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II																								HỌC KỲ HÈ				
	7	8				9					10				11				12				1					2				3					4				5				6				7			
	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	12	19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1	ghép với các lớp D21																													(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
2																														(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
3	10	10	10	5	5	5																								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
4	ghép D20X2			4	4	4	4	4	4	4	2																			(năm học 2020-2021 chuyển sang, tính giờ năm học 2020-2021)																						
5	5	5	5	5	5	5																								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
6				5	5	5	5	5	5																					(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
7							5	5	5	5	5	5																		(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
8							5	5	5	5	5	5																		(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
9													5			5	5	5	5	5										(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
10	ghép D20X2DN_D20CD2DN								5	5	10	5	5	5	5	5														(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
11																10	10	10	10	10	10																															
12																5	5	5	5	5	5																															
13																						10	10	10	15																											
14																																			40																	
15																																				25	20															
16																																																				
17																																10	10	10																		
18																																																				
19																																10	10	10																		
20																																																				
21																																																				
22																																						10	10	10												
23																																						10	10	10												
24																																											DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA	DA
25																																																				
26																																																				
8	**15**	**15**	**15**	**19**	**19**	**19**	**19**	**19**	**24**	**19**	**22**	**15**	**10**	**T**	**T**	**25**	**20**	**20**	**20**	**20**	**15**	**10**	**10**	**10**	**15**	**T**				**T**		**20**	**20**	**20**	**40**	**25**	**20**	**20**	**20**	**20**	**T**	**T**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**	**DA**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20CD2DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học.; Ngày NH: 17/11/2020; Ngày TN(dk): 11/2022; Năm thứ: 2; Số SVNH: 9; Số SVHT: 9; GVCV: TS. Lê Công Duy;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	
					TS	LT	TH				
1		ARC25073	Cấu tạo kiến trúc 2	2	30	30		D20K2DN	15		Nguyễn Ngọc Bình
2		ARC21906	Tin học ứng dụng 3	2	45	15	30	D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
3		ARC25074	Thiết kế nhanh (1)	0.5	15		15	D20K2DN	15	354	Trương Anh Bích Châu
4		ARC25075	Thiết kế nhanh (2)	0.5	15		15	D20K2DN	15	354	Trương Anh Bích Châu
5		ARC21948	ĐA. Kiến trúc 6	2	60		60	D20K2DN	15	354	Trương Anh Bích Châu
6		ARC21907	Nguyên lý TK nội - ngoại thất	2	30	30		D20K2DN	15	221	Nguyễn Thị Ái Nương
7		ARC21908	Trang thiết bị công trình	3	60	30	30	D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
8		ARC21952	Tin học CN kiến trúc 1 (Revit 1)	2	45	15	30	D20K2DN	15	400	Võ Hoàng Vũ
9		ARC24001	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	30	30		D20K2DN	15	220	Đinh Ngọc Hòa
10		ARC21928	ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 7	3	90		90	D20K2DN	15	532	Nhóm GV kiến trúc
11		ARC21929	ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 8	3	90		90	D20K2DN	15	532	Nhóm GV kiến trúc
12		ARC21925	ĐA. TKN Chuyên ngành kiến trúc	0.5	15		15	D20K2DN	15	532	Nhóm GV kiến trúc
13	1	ECO25010	Pháp luật xây dựng	1	15	15		D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
14	1	ARC21953	**Tin học CN kiến trúc 2 (Revit 2)**	2	45	15	30	D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
	1	ARC21917	Tin học chuyên ngành nội thất 2	2*	45*	15*	30*	D20K2DN	15		
	1	ARC21918	Tin học chuyên ngành đồ họa 2	2*	45*	15*	30*	D20K2DN	15		
12	1	CON25062	**Chuyên đề. Kết cấu mới**	2	30	30		D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
	1	ARC21919	Lịch sử Design	2*	30*	30*		D20K2DN	15		
	1	ARC21920	Lược sử mỹ thuật TG&VN	2*	30*	30*		D20K2DN	15		
13	1	ARC25003	**Chuyên đề kiến trúc**	2	30	30		D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
	1	ARC21921	VH Phương Đông trong TK nội thất	2*	30*	30*		D20K2DN	15		
	1	ARC21922	TK hệ thống nhận diện thương hiệu	2*	30*	30*		D20K2DN	15		
14	1	ARC25082	**Quản lý đô thị**	2	30	30		D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
	1	ARC21923	Kỹ năng chuyên ngành nội thất	2*	30*	30*		D20K2DN	15		
	1	ARC21924	Kỹ năng bản thân ngành mỹ thuật CN	2*	30*	30*		D20K2DN	15		
15	1	ARC21934	**ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 9**	3	90		90	D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
	1	ARC21936	ĐA. Chuyên ngành nội thất 3	3*	90*		90*	D20K2DN	15		
	1	ARC21938	ĐA. Chuyên ngành đồ họa 3	3*	90*		90*	D20K2DN	15		
16	1	ARC21935	**ĐA. Chuyên ngành kiến trúc 10**	3	90		90	D20K2DN	15	532	GV mời ngoài PH
	1	ARC21937	ĐA. Chuyên ngành nội thất 4	3*	30*		90*	D20K2DN	15		
	1	ARC21939	ĐA. Chuyên ngành đồ họa 4	3*	30*		90*	D20K2DN	15		
17	1	ARC25047	Tham quan công trình (KTR)	1	40		40	D20K2DN	15	397	Tạ Kim Sơn
18	1	ARC25050	Chuyên đề tốt nghiệp (KTR)	2	60		60	D20K2DN	15	397	Tạ Kim Sơn
19	2	ARC25022	Đồ án tốt nghiệp (Kiến trúc)	10	15T		640*	D20K2DN	15		Khoa KTCT
20	2	FLI25222	Chuẩn đầu ra NN (AV3/6)					D20K2DN	15		Khoa KHCB
21	2	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)					D20K2DN	15		Khoa KHCB
9			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**50.5**	**955**	**270**	**685**	**D20K2DN**	**15**	**SV**	

HỌC KỲ I

TT	7	8				9					10				11				12				
	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1									10	10	10												
2			8	8	8	4	8	4	5	(đang thực hiện)													
3	(đang thực hiện)					15																	
4	(đang thực hiện)							15															
5	8	8	12	12	10		10																
6									10	10	10												
7												10	10	10	10	10	10						
8												10	10	10	10	5							
9	(Đã thực hiện)																						
10																	10	10	10	10	10	10	10
11																				10	10	10	10
12																							
13																							
14																							
12																							
13																							
14																							
15																							
16																							
17																							
18																							
19																							
20																							
21																							
9	**8**	**8**	**20**	**20**	**18**	**19**	**18**	**19**	**25**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**15**	**20**	**10**	**10**	**20**	**20**	**20**	**20**

HỌC KỲ II

TT	1					2			3					4				5				6				7				
	01	08	15	22	29	05	12	19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18
	23	24	25	26	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
1								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
2								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
3								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
4								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
5								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
6								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
7								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
8								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
9								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																						
10	10	10								(năm học 2020-2021 chuyển sang)																				
11	10	10	10					10	10	(năm học 2020-2021 chuyển sang)																				
12								10	5	(năm học 2020-2021 chuyển sang)																				
13												15																		
14													10	10	10	10	5													
12													10	10	10															
13																10	10	10												
14																	10	10	10											
15																		10	10	10	10	10	10	10	10	10	10			
16																				10	10	10	10	10	10	10	20			
17																													40	
18																														
19																														
20																														
21																														
9	**20**	**20**	**20**	**20**	**10**			**20**	**15**	**T**	**T**	**15**	**20**	**20**	**20**	**20**	**15**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**CD**	**DA**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D20K2DN **Ngành: Kiến trúc;** **PH Đà Nẵng;** **Bậc học: Đại học.;** **Ngày NH: 17/11/2020;** **Ngày TN(dk): 11/2022;** **Năm thứ: 2;** **Số SVNH: 15;** **Số SVHT: 11;** **GVCV: Ths. Tạ Kim Sơn;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	
					TS	LT	TH				
			Nhập học					D21X1DN			
			Chính trị đầu khóa					D21X1DN			
1	1	BAS27001	Giải tích 1	2	30	30		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
2	1	BAS21010	Đại số tuyến tính	2	30	30		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
3	1	BAS21035	Vật lý đại cương	3	45	45		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
4	1	CON38001	Cơ học cơ sở	3	60	30	30	D21X1DN	29	525	Lê Công Duy
5	1	ARC28002	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3	45	45		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
6	1	POL21901	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
7	1	BAS31016	Giáo dục thể chất 1	1	30		30	D21X1DN	29	458	Diệp Minh Đông
8	1	FLI21006	Tin học đại cương	2	45	15	30	D21X1DN	29	461	Lâm Thị Hậu
9	2	BAS28001	Giải tích 2	2	30	30		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
10	2	CON22037	Sức bền vật liệu 1	3	60	30	30	D21X1DN	29	359	Phan Công Bàn
11	2	ARC23061	Cấu tạo kiến trúc	3	60	30	30	D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
12	2	POL21902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
13	2	ECO21005	Pháp luật đại cương	2	30	30		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
14	2	UIT28001	Điện kỹ thuật	2	30	30		D21X1DN	29	532	GV mời ngoài PH
15	2	FLI26002	Anh văn 1	3	45	45		D21X1DN	29	460	Lê Thị Thanh Nhung
16	2	BAS31017	Giáo dục thể chất 2	1	30		30	D21X1DN	29	458	Diệp Minh Đông
17	he	BAS22050	Giáo dục QP-AN 1	3*	45*	37*	8*	D21X1DN	29	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22051	Giáo dục QP-AN 2	2*	30*	22*	8*	D21X1DN	29	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22052	Giáo dục QP-AN 3	2*	30*	14*	16*	D21X1DN	29	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22053	Giáo dục QP-AN 4	2*	60*	4*	56*	D21X1DN	29	534	Trường quân sự QK V
10			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**37**	**645**	**465**	**180**	**D21X1DN**	**29**	**SV**	

HỌC KỲ I

TT	7	8					9					10					11					12				
	31	07	14	21	28		04	11	18	25	02	09	16	23	30		06	13	20	27		04	11	18	25	
	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-	-	
	26	02	09	16	23		30	06	13	20	27	04	11	18	25		01	08	15	22		29	06	13	20	
	1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12	13	14		15	16	17	18		19	20	21	22	
1										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3						
2										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3						
3										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		3	3	3	6	
4										4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	8	
5										4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		5				
6										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		3	6	3	3	
7											3	3	3	3	3		3	3	3	3		3				
8										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		3	3	3	6	
9																										
10																										
11																										
12																										
13																										
14																										
15																										
16																										
17																										
10										**23**	**26**	**26**	**26**	**26**	**26**		**26**	**26**	**26**	**26**		**21**	**16**	**13**	**23**	**T**

HỌC KỲ II

TT	1					2				3					4					5					6					7				
	08	15	22	29		05	12		19	26		05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	
	-	-	-	-		-	-		-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	03	10	17	24		31	07		14	21		28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	
	24	25	26	TẾT					30	31		32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	
1																																	
2																																	
3																																	
4																																	
5																																	
6																																	
7																																	
8																																	
9									3	3	3	3	3	3	3		3	3	3														
10									4	4	4	4	4	4	6	6	6	6	6	6	6												
11									4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	10	10													
12									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3															
13									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3															
14									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3															
15									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	9	6													
16									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3															
17																												45					
																													30				
																														30			
																															30	30	
10	**T**	**T**	**T**	**K**					**26**	**26**	**26**	**26**	**26**	**26**	**28**	**28**	**28**	**28**	**25**	**22**	**T**	**T**	**T**	**T**	**T**	**T**	**T**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**	

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21X1DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 14/09/2021; Ngày TN(dk): 03/2026; Năm thứ: 1; Số SVNH: 29; Số SVHT: 28; GVCV: Ths. Nguyễn Minh Tuấn Anh;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	
			Nhập học					D21K1DN			
			Chính trị đầu khóa					D21K1DN			
1	1	ARC25060	Hình học họa hình 1	2	30	30		D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
2	1	BAS21906	Toán cao cấp	2	30	30		D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
3	1	ARC21033	Mỹ thuật P1	2	60		60	D21K1DN	9	357	Phan Hữu Sang
4	1	ARC21034	Mỹ thuật P2	2	60		60	D21K1DN	9	357	Phan Hữu Sang
5	1	ARC25062	ĐA. Cơ sở 1	1	30		30	D21K1DN	9	397	Tạ Kim Sơn
6	1	ARC25063	ĐA. Cơ sở 2	1.5	45		45	D21K1DN	9	397	Tạ Kim Sơn
7	1	BAS31016	Giáo dục thể chất 1	1	30*		30*	D21K1DN	9	458	Diệp Minh Đông
			HPTC (chọn 1/5 HP)					***D21K1DN***			
8	1	ARC21027	Kiến trúc nhập môn	2	30	30		D21K1DN	9	397	Tạ Kim Sơn
	1	ARC25071	PP luận thiết kế kiến trúc	2*	30*	30*		D21K1DN	9		
	1	ARC22030	Lịch sử nghệ thuật	2*	30*	30*		D21K1DN	9		
	1	ARC23056	Xã hội học đô thị	2*	30*	30*		D21K1DN	9		
	1	ECO22003	Kỹ năng GT và LVN	2*	30*	30*		D21K1DN	9		
9	2	POL21901	Triết học Mác - Lênin	3	45	45		D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
10	2	ARC25061	Hình học họa hình 2	2	30	30		D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
11	2	ARC22040	NL kiến trúc nhà ở	2	30	30		D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
12	2	ARC25067	Vật liệu công trình kiến trúc	2	30	30		D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
13	2	ARC22004	Cơ sở tạo hình kiến trúc	3	60	30	30	D21K1DN	9	357	Phan Hữu Sang
14	2	ARC25064	ĐA. Cơ sở 3	1.5	45		45	D21K1DN	9	357	Phan Hữu Sang
15	2	ARC25084	ĐA. Cơ sở 4	1.5	45		45	D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
16	2	ARC25065	Vẽ ghi kiến trúc	3	90		90	D21K1DN	9	532	GV mời ngoài PH
17	2	FLI26002	Anh văn 1	3	45*	45		D21K1DN	9	460	Lê Thị Thanh Nhung
18	2	FLI21006	Tin học đại cương	2	45	15	30	D21K1DN	9	461	Lâm Thị Hậu
19	2	BAS31017	Giáo dục thể chất 2	1	30*		30*	D21K1DN	9	458	Diệp Minh Đông
20	he	BAS22050	Giáo dục QP-AN 1	3*	45*	37*	8*	D21K1DN	9	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22051	Giáo dục QP-AN 2	2*	30*	22*	8*	D21K1DN	9	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22052	Giáo dục QP-AN 3	2*	30*	14*	16*	D21K1DN	9	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22053	Giáo dục QP-AN 4	2*	60*	4*	56*	D21K1DN	9	534	Trường quân sự QK V
11			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**38**	**705**	**315**	**435**	**D21K1DN**	**9**	**SV**	

Tên học phần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Học kỳ	HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II		
Tháng	7	8				9					10				11				12				1			
Ngày	31-26	07-02	14-09	21-16	28-23	04-30	11-06	18-13	25-20	02-27	09-04	16-11	23-18	30-25	06-01	13-08	20-15	27-22	04-29	11-06	18-13	25-20	01-27	08-03	15-10	22-17
Nhập học																										
Chính trị đầu khóa								Dự kiến																		
Hình học họa hình 1									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3								
Toán cao cấp									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3								
Mỹ thuật P1									10	10	10	10	10	10												
Mỹ thuật P2															10	10	10	10	10	10						
ĐA. Cơ sở 1									6	6	6	6	6													
ĐA. Cơ sở 2														5	5	5	5	10	10	5						
Giáo dục thể chất 1	ghép D21K1_D21QX1_D21X1									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3							
HPTC (chọn 1/5 HP)																										
Kiến trúc nhập môn									2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3						
PP luận thiết kế kiến trúc																										
Lịch sử nghệ thuật																										
Xã hội học đô thị																										
Kỹ năng GT và LVN																										
Triết học Mác - Lênin	ghép D21K1_D21QX1																							3	3	3
Hình học họa hình 2																								2	2	2
NL kiến trúc nhà ở																								2	2	2
Vật liệu công trình kiến trúc																								2	2	2
Cơ sở tạo hình kiến trúc																								4	4	4
ĐA. Cơ sở 3																								6	6	6
ĐA. Cơ sở 4																										
Vẽ ghi kiến trúc																								5	5	5
Anh văn 1	ghép D21X1DN_D21K1DN																							2	2	2
Tin học đại cương																										
Giáo dục thể chất 2	ghép D21K1_D21QX1_D21X1																									
Giáo dục QP-AN 1																										
Giáo dục QP-AN 2																										
Giáo dục QP-AN 3																										
Giáo dục QP-AN 4																										
Tổng giờ, Dự trữ, Thi...									**24**	**27**	**27**	**27**	**27**	**26**	**27**	**27**	**27**	**32**	**26**	**18**	**T**	**T**	**T**	**K**	**26**	**26**

Tên học phần	TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
Học kỳ	HỌC KỲ II																					HỌC KỲ HÈ				
Tháng	1	2				3					4				5				6				7			
Ngày	29-24	05-31	12-07	19-14	26-21	05-28	12-07	19-14	26-21	02-28	09-04	16-11	23-18	30-25	07-02	14-09	21-16	28-23	04-30	11-06	18-13	25-20	02-27	09-04	16-11	23-18
Nhập học																										
Chính trị đầu khóa																										
Hình học họa hình 1																										
Toán cao cấp																										
Mỹ thuật P1																										
Mỹ thuật P2																										
ĐA. Cơ sở 1																										
ĐA. Cơ sở 2																										
Giáo dục thể chất 1																										
HPTC (chọn 1/5 HP)																										
Kiến trúc nhập môn																										
PP luận thiết kế kiến trúc																										
Lịch sử nghệ thuật																										
Xã hội học đô thị																										
Kỹ năng GT và LVN																										
Triết học Mác - Lênin				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3											
Hình học họa hình 2				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2											
NL kiến trúc nhà ở				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2											
Vật liệu công trình kiến trúc				2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2											
Cơ sở tạo hình kiến trúc				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4											
ĐA. Cơ sở 3				6	6	6	6	3																		
ĐA. Cơ sở 4								3	6	6	6	6	6	6	6											
Vẽ ghi kiến trúc				5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	15										
Anh văn 1				2	2	3	3	3	3	3	3	4	4	4	5											
Tin học đại cương				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	9										
Giáo dục thể chất 2				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3													
Giáo dục QP-AN 1																					45					
Giáo dục QP-AN 2																						30				
Giáo dục QP-AN 3																							30			
Giáo dục QP-AN 4																								30	30	
Tổng giờ, Dự trữ, Thi...				**32**	**32**	**33**	**33**	**33**	**33**	**33**	**33**	**34**	**34**	**31**	**32**	**24**	**T**	**T**	**T**	**T**	**45**	**H**	**H**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21K1DN Ngành: Kiến trúc; PH Đà Nẵng; Bậc học: Đại học; Ngày NH: 14/09/2021; Ngày TN(dk): 08/2026; Năm thứ: 1; Số SVNH: 9; Số SVHT: 9; GVCV: Ths. Phan Hữu Sang;

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV	
			Nhập học								
			Chính trị đầu khóa								
1	1	BAS27001	Giải tích 1	2	30*	30		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
2	1	ECO27006	TH tin học văn phòng	1	30		30	D21QX1DN	13	461	Lâm Thị Hậu
3	1	BAS21010	Đại số tuyến tính	2	30*	30		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
4	1	ECO21005	Pháp luật đại cương	2	30	30		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
5	1	ECO22005	Kinh tế học	2	30	30		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
6	1	CON21921	Cơ học cơ sở	2	30	30		D21QX1DN	13	359	Phan Công Bàn
7	1	ARC28002	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3	45	45		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
8	1	FLI21006	Tin học đại cương	2	45	15	30	D21QX1DN	13	461	Lâm Thị Hậu
9	1	BAS31016	Giáo dục thể chất 1	1	30*		30	D21QX1DN	13	458	Diệp Minh Đông
10	2	POL21901	Triết học Mác - Lênin	3	45*	45		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
11	2	CON28001	Cơ học công trình	3	45	45		D21QX1DN	13	359	Phan Công Bàn
12	2	BRC28001	Địa kỹ thuật	3	60	30	30	D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
13	2	ARC25051	Tin học ứng dụng (Autocad)	2	45	15	30	D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
14	2	CON22050	Vật liệu xây dựng	2	30	30		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
15	2	UIT24008	Trắc địa	2	30	30		D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
16	2	UIT21901	Thực tập trắc địa	1	30		30	D21QX1DN	13	532	GV mời ngoài PH
17	2	BAS31017	Giáo dục thể chất 2	1	30*		30	D21QX1DN	13	458	Diệp Minh Đông
18	he	BAS22050	Giáo dục QP-AN 1	3*	45*	37*	8*	D21QX1DN	13	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22051	Giáo dục QP-AN 2	2*	30*	22*	8*	D21QX1DN	13	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22052	Giáo dục QP-AN 3	2*	30*	14*	16*	D21QX1DN	13	534	Trường quân sự QK V
	he	BAS22053	Giáo dục QP-AN 4	2*	60*	4*	56*	D21QX1DN	13	534	Trường quân sự QK V
12			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**32**	**630**	**405**	**180**	**D21QX1DN**	**13**	**SV**	

HỌC KỲ I

TT	7	8					9					10					11					12				
	31	07	14	21	28		04	11	18	25	02	09	16	23	30		06	13	20	27		04	11	18	25	
	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-	-	
	26	02	09	16	23		30	06	13	20	27	04	11	18	25		01	08	15	22		29	06	13	20	
	1	2	3	4	5		6	7	8	9	10	11	12	13	14		15	16	17	18		19	20	21	22	
1									Dự kiến																	
1							ghép D21X1_D21QX1			3	3	3	3	3	3		3	3	3	3						
2										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3						
3							ghép D21X1_D21QX1					3	3	3	3		3	3	3	3		3	3			
4										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3						
5															3		3	3	3	3		7	8			
6										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3						
7										3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		7	8			
8										3	3	3	4	3	3		3	3	3	3		8	6			
9							ghép D21QX1_D21X1_D21K1				3	3	3	3	3		3	3	3	3		3				
10							ghép D21K1_D21QX1																			
11							ghép D20K1DN_D21QX1DN																			
12																										
13																										
14																										
15																										
16																										
17							ghép D21QX1_D21X1_D21K1																			
18																										
12										**18**	**21**	**24**	**25**	**24**	**27**		**27**	**27**	**27**	**27**		**28**	**25**	**T**	**T**	**T**

HỌC KỲ II

TT	1					2				3					4					5					6				
	01	08	15	22	29	05	12		19	26	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25		
	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	27	03	10	17	24	31	07		14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20		
	23	24	25	26		TẾT			30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
1																													
1																													
2																													
3																													
4																													
5																													
6																													
7																													
8																													
9																													
10									4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	5										
11									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	3							
12									4	4	4	4	4	4	4	4	4	5	5	5	5	4							
13									3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	3	3							
14									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3											
15									4	4	4	4	4	4	3	3													
16																			6	8	8	8							
17									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3											
18																												45	
																													30
12	**T**	**D**	**K**						**24**	**24**	**24**	**24**	**24**	**24**	**23**	**23**	**20**	**22**	**24**	**21**	**20**	**18**	**T**	**T**	**T**	**T**	**H**	**H**	**H**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

Dự kiến học kỳ 1 từ 13/9/2021

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21QX1DN **Ngành: Quản lý xây dựng;** **PH Đà Nẵng;** **Bậc học: Đại học;** **Ngày NH: 14/09/2021;** **Ngày TN(dk): 03/2026;** **Năm thứ: 1;** **Số SVNH: 13;** **Số SVHT: 13;** **GVCV: Ths. Nguyễn Minh Tuấn Anh;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Lớp	Số SV	Mã GV	
					TS	LT	TH				
			Nhập học								
1	1	BAS28001	Giải tích 2	2	30	30		D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
2	1	CON23038	Sức bền vật liệu 2	2	30	30		D21X2DN	30	359	Phan Công Bàn
3	1	BAS22011	Xác suất thống kê	2	30	30		D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
4	1	CON22051	Cơ học kết cấu 2	2	30	30		D21X2DN	30	359	Phan Công Bàn
5	1	ARC23061	Cấu tạo kiến trúc	3	60	30	30	D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
6	1	CON22055	Tin học ứng dụng 2 (Sap và Etab)	2	60		60	D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
7	1	CON21922	ĐA. Kết cấu BTCT	1	30		30	D21X2DN	30	362	Nguyễn Quang Hòa
8	1	CON21903	Kết cấu nhà bêtông cốt thép	3	45	45		D21X2DN	30	362	Nguyễn Quang Hòa
9	1	CON21904	ĐA. Kết cấu nhà BTCT	2	60		60	D21X2DN	30	362	Nguyễn Quang Hòa
10	2	ARC21902	ĐA. Kiến trúc công trình	1	30		30	D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
11	2	CON22113	Kết cấu nhà thép	3	45	45		D21X2DN	30	525	Lê Công Duy
12	2	CON21907	ĐA. Kết cấu nhà thép	1	30		30	D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
13	2	CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30		30	D21X2DN	30	392	Huỳnh Ngọc Hào
14	2	CON27002	TN và kiểm định công trình	2	60		60	D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
15	2	FLI22004	Anh văn CN (KTH)	2	30	30		D21X2DN	30	460	Lê Thị Thanh Nhung
16	2	CON21910	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2	60		60	D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
17	2	CON21911	Kỹ thuật thi công 2	3	45	45		D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
18	2	CON24014	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1	30		30	D21X2DN	30	532	GV mời ngoài PH
19	2	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2	60		60	D21X2DN	30	458	Diệp Minh Đông
13			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi…**	**37**	**795**	**315**	**480**	**D21X2DN**	**30**		

HỌC KỲ I

TT	7	8				9					10					11					12				
	31	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30		06	13	20	27		04	11	18	25	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-	-	
	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25		01	08	15	22		29	06	13	20	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		15	16	17	18		19	20	21	22	
1																									
2	ghép D21X2DN_D21CD2DN																								
3	ghép D21X2DN_D21CD2DN																								
4	ghép D21X2DN_D21CD2DN																								
5																									
6																									
7																									
8	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
9	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
10																									
11	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
12	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
13	ghép D21X2DN_D21CD2DN																								
14	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
15																									
16	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
17	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
18	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)																								
19	ghép D21X2DN_D21CD2DN																								
13																									

HỌC KỲ II

TT	1					2			3					4					5					6					HỌC KỲ HÈ 7				
	08	15	22	29		05	12		19	26		05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	
	-	-	-	-		-	-		-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	03	10	17	24		31	07		14	21		28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25
	24	25	26	TẾT					30	31		32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	
1																																	
2									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3														
3																							6	6	6	6	6						
4																		5	3	6	8	8											
5																							6	6	6	6	6						
6									6	6	6	6	6	6	4	8	5	3	4														
7																		4	6	8	8	8	8	8	4	4	2						
8																												8	8	8	6		
9																																	
10									4	4	4	4	4	4	6																		
11																																	
12																																	
13																										4	4	4	4	4	2	8	
14																																	
15									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3														
16																																	
17																																	
18																																	
19		4	4						4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4											
13		**4**	**4**						**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**18**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**14**	**12**	**12**	**T**	**T**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21X2DN **Ngành: Kỹ thuật xây dựng** **Bậc học: Đại học** **Ngày NH: 14/09/2021;** **Ngày TN(dk): 08/2023;** **Năm thứ: Nhất** **Số SVNH: 25;** **Số SVHT: 14;** **GVCV: Ths. Nguyễn Quang Hòa;**

KẾ HOẠCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2021-2022
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG-PHÂN HIỆU ĐÀ NẴNG

TT	Học kỳ	Mã Học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết TS	Số tiết LT	Số tiết TH	Lớp	Số SV	Mã GV		
			Nhập học									
1	1	BAS28001	Giải tích 2	2	30*	30		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	ghép D21X2DN_D21CD2DN
2	1	BAS22011	Xác suất thống kê	2	30*	30		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	ghép D21X2DN_D21CD2DN
3	1	BAS21035	Vật lý đại cương	3	45	45		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	
4	1	CON23038	Sức bền vật liệu 2	2	30*	30		D21CD2DN	11	359	Phan Công Bàn	ghép D21X2DN_D21CD2DN
5	1	UIT21925	Thủy lực - Thủy văn	2	30*	30		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	ghép D21CD2DN_D20CD1DN
6	1	CON22051	Cơ học kết cấu 2	2	30*	30		D21CD2DN	11	359	Phan Công Bàn	ghép D21X2DN_D21CD2DN
7	1	UIT25010	Thực tập trắc địa 2	1	30		30	D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	
8	1	BRC22057	Tin học ứng dụng 1	2	45	15	30	D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	
9	1	CON24015	ĐA. Nền và móng	1	30*		30	D21CD2DN	11	392	Huỳnh Ngọc Hào	ghép D21X2DN_D21CD2DN
10	2	BRC27015	Mố trụ cầu	2	30	30		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	
11	2	BRC25015	Thiết kế cầu BTCT2	2	30	30		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)
12	2	BRC27001	ĐA. Thiết kế cầu BTCT	1	30		30	D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)
13	2	BRC24009	Thi công cầu 1	2	30	30		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)
14	2	BRC24014	ĐA.Thiết kế cầu thép	1	30		30	D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)
15	2	BRC24002	Thiết kế đường 1	3	45	45		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)
16	2	BRC27017	Tin học UĐ Đường	1	30		30	D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)
17	2	BRC25001	ĐA. Thiết kế đường	1	30		30	D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	(Hết quỹ thời gian, chuyển sang năm sau)
18	2	ECO21901	Pháp luật và kinh tế xây dựng	3	45	45		D21CD2DN	11	532	GV mời ngoài PH	
19	2	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2	60*		60	D21CD2DN	11	458	Diệp Minh Đông	ghép D21X2DN_D21CD2DN
14			**Tổng giờ, Dự trữ, Thi...**	**26**	**420**	**390**	**270**	**D21CD2DN**	**11**			

TT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	TẾT		
	HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II					
	7	8				9					10				11				12				1					2	
	31 - 26	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	02 - 27	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	06 - 01	13 - 08	20 - 15	27 - 22	04 - 29	11 - 06	18 - 13	25 - 20	01 - 27	08 - 03	15 - 10	22 - 17	29 - 24	05 - 31	12 - 07
1																													
2																													
3																													
4																													
5																													
6																													
7																													
8																													
9																													
10																													
11																													
12																													
13																													
14																													
15																													
16																													
17																													
18																													
19																									4	4			
14																									**4**	**4**			

TT	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
																				HỌC KỲ HÈ			
			3					4				5				6				7			
	19 - 14	26 - 21	05 - 28	12 - 07	19 - 14	26 - 21	02 - 28	09 - 04	16 - 11	23 - 18	30 - 25	07 - 02	14 - 09	21 - 16	28 - 23	04 - 30	11 - 06	18 - 13	25 - 20	02 - 27	09 - 04	16 - 11	23 - 18
1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3													
2									5	3	6	8	8										
3	4	4	3	4	4	6	6	6	8														
4														6	6	6	6	6					
5												4	8	8	4	4	2						
6														6	6	6	6	6					
7															4	4	2	4	8	8			
8	4	4	4	4	4	4	4	4		4	5	4	T										
9																	4	4	4	4	4	2	8
10																			8	8	8	6	
11																							
12																							
13																							
14																							
15																							
16																							
17																							
18	5	5	5	5	5	3	3	3		6	5												
19	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4										
14	**20**	**20**	**19**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**20**	**12**	**T**	**T**

Ghi chú: K: Xét Kết quả học tập; D: Dự trữ; CD: Chuyên đề; T: thi cuối kỳ; TT: Thực tập cuối khóa; DA: Đồ án tốt nghiệp; H: tuần học kỳ hè;

THÔNG TIN LỚP HỌC

D21CD2DN Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông **Bậc học: Đại học** **Ngày NH: 14/09/2021; Ngày TN(dk): 08/2023;** **Năm thứ: Nhất** **Số SVNH: 7;** **Số SVHT: 5;** **GVCV: Ths. Nguyễn Quang Hòa;**